

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28a/2024/DS-ST
Ngày 02-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản, góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Quang Truyền;

2. Ông Đinh Khắc Quỳnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2023/TLST- DS ngày 19/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn X Th, sinh năm 1964; cư trú tại: Tsố 28, khu phố L T, phường L T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Th M H, sinh năm 1978; cư trú tại: số 77/27 đường Ng Ch Th, khu phố L Tr, ph L T T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 08/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Nguyễn T X Th trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm với nhau nên bà Th có tham gia góp 05 dây hội do bà H làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Khai ngày 10/2/2022 (âm lịch), hội 300.000 đồng, 10 ngày khai một lần, 68 phần, bà Th tham gia 05 phần, bà Th đã lĩnh hội (hội chết) 02 phần, chưa lĩnh 03 phần (hội sống), có danh sách hội viên, trong dây hội này thì bà Th tham gia với tên C sáu, hàng thứ 5 trong danh sách hội. Hội có lãi, huê hồng 150.000 đồng (bà H lấy 150.000 đồng của hội viên/01 phần hội khi đăng hội). Dây hội này góp được đến lần thứ 42 thì hội ngưng hoạt động (bể hội). Số tiền hội chết bà Th phải góp lại bà H là $26 \text{ lần} \times 300.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 15.600.000 \text{ đồng}$. Số tiền hội sống bà H trả cho bà Th: $42 \text{ lần} \times 300.000 \times 03 \text{ phần} = 37.800.000 \text{ đồng}$, số tiền bà H còn phải trả cho bà Th là $37.800.000 - 15.600.000 \text{ đồng} = 22.200.000 \text{ đồng}$.

Dây hội thứ 2: Khai ngày 15/01/2022 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, hội 15 ngày khai một lần, 39 phần, bà Th tham gia 02 phần với tên Chị Sáu, hàng thứ nhất trong danh sách hội, huê hồng cho chị H 500.000 đồng/phần khi đăng hội, góp được 30 lần, hội chưa lĩnh (hội sống), có danh sách hội, số tiền góp được 02 phần số tiền gốc là 37.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Khai ngày 1/8/2022 âm lịch, hội 5.000.000 đồng, có 22 phần, bà Th tham gia 02 phần với tên gọi Chị Sáu trong danh sách hội, số phần là 02 ô màu đen có dấu “v”, góp được 09 lần, chưa lĩnh hội, huê hồng cho chị H là 2.500.000 đồng/phần hội khi đăng hội, có giấy hội. Bà Th Góp được $09 \text{ lần} \times 3.000.000 \times 02 \text{ phần} = 54.000.000 \text{ đồng}$. Yêu cầu H trả 54.000.000

Dây 4: Khai ngày 30/10/2022 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 05 ngày khai 01 lần, 28 phần, bà Th tham gia 02 phần, hội sống, không có lấy giấy hội, lần khai trước không nhớ ngày khai vì không đem theo sổ, về xem lại sổ thì biết ngày khai nên cung cấp cho Tòa án, đóng hội thì bà Th tự ghi để theo dõi. Số tiền H phải trả là 56.000.000 đồng nhưng số tiền thật đóng 50.000.000 đồng. Yêu cầu H trả 50.000.000 đồng

Dây 5: Khai ngày 18/12/2022 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 05 ngày khai 01 lần, 20 phần, tham gia 02 phần, hội sống, (đã mãn hội) có danh sách hội nhưng bà Th làm mất. Số tiền H phải trả là 40.000.000 đồng vì hội đã mãn hội nên yêu cầu H trả đủ.

Tuy nhiên, do dây hội số 4 và dây hội số 5 bà Th đã làm thất lạc danh sách hội, không thể cung cấp cho Tòa án nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 02 dây hội này, khi nào bà tìm được danh sách hội, bà Th sẽ khởi kiện lại sau.

Do đó, bà Th yêu cầu bà H trả tổng tiền hội 113.200.000 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra bà Th còn cho bà H vay các khoản tiền sau:

Ngày 01/02/2023 âm lịch, bà H vay số tiền 40.000.000 đồng; ngày 04/02/2023 âm lịch vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 06/02/2023 âm lịch vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 13/02/2023 âm lịch vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 27/02/2023 âm lịch vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng;

Tất cả các lần vay đều có làm giấy, nhưng khi tổng tiền vay thì bà Th đã bỏ tất cả các giấy vay và bà H tự ghi lại các khoản tiền trên một tờ giấy, mục đích vay để đăng tiền hui cho hui viên, thỏa thuận miệng 8%/tháng, nhưng sau khi nhận tiền vay gốc thì bà H trả tiền lãi không cố định, trả nhiều lần với tổng số tiền lãi bà Th đã nhận là 10.000.000 đồng, việc trả lãi không có làm giấy.

Nay bà Th yêu cầu bà H trả tiền vay gốc 170.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 27/02/2023 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, trừ số tiền lãi đã nhận 10.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2023, bị đơn – bà Huỳnh Th M H trình bày:

Bà H xác nhận vào năm 2022 có vay của bà Th số tiền vay gốc 170.000.000 đồng, số tiền lãi hàng tháng bà H trả cho bà Th 13.600.000 đồng (8%/tháng), tổng tiền lãi đã trả cho bà Th 190.400.000 đồng, nên yêu cầu tính lại tiền lãi mà bà H đã trả cho bà Th.

Bà H cũng thừa nhận có làm chủ thảo hui, bà Th có tham gia 05 dây hui nhưng không đồng ý với số tiền hui mà bà Th yêu cầu, cụ thể:

Dây hui thứ 1 bà H chỉ còn nợ bà Th số tiền 10.860.000 đồng; dây hui thứ 2, còn nợ 36.000.000 đồng; dây hui thứ 3, còn nợ 47.000.000 đồng; dây hui thứ 4 và dây hui thứ 5 hiện nay bà H không nhớ danh sách hui, không nhớ chính xác số tiền nên sẽ cung cấp sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 464, 468, 469, 471 Bộ Luật dân sự; 217 và 218 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP về lãi suất; Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà Th tổng số tiền nợ hui và vay là 308.475.000 (ba trăm linh tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, trong đó tiền lãi nợ vay tài sản: Khi bà Th cho bà H vay tiền không có lập hợp đồng vay tiền chỉ thỏa thuận miệng, nên xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn, bà Th và bà H có thỏa thuận lãi 8%/tháng nhưng không thống nhất về tiền lãi đã trả và nhận, việc thỏa thuận này vượt quá quy định pháp luật về lãi suất nên cần xác định

lại lãi suất cho phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, khấu trừ số tiền lãi bà Th đã nhận.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về kiến nghị, khắc phục: Khắc phục vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn X Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Huỳnh Th M H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và bà H.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn X Th yêu cầu bà Huỳnh Th M H trả số tiền vay và tiền góp hụi còn nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” được quy định tại các Điều 463, 471 Bộ luật dân sự; Bà H hiện đang cư trú tại số 77/27 đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố Long Thới, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Th yêu cầu bà H trả số tiền vay gốc 170.000.000 đồng, tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 27/02/2023 âm lịch, ngày dương lịch là ngày 17/4/2023, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H thừa nhận còn nợ bà Th với số tiền vay gốc 170.000.000 đồng (bút lục 34), đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nên có căn cứ xác định bà H còn nợ bà Th số tiền vay gốc 170.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của bà Th thấy rằng: Bà Th trình bày các lần cho bà H vay thì đều có lập hợp đồng vay, sau đó khi ghi tổng số tiền nợ thì bỏ các hợp đồng trước đó. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình, thì bà Th không có tài liệu, chứng cứ chứng minh từng lần cho vay đều lập hợp đồng vay.

Tài liệu, chứng cứ bà Th giao nộp cho Tòa án là 01 tờ lịch, phía sau tờ lịch có chữ viết bằng mực màu xanh, phía trên có ghi “Chị sáu gồm 6 khoản tiền”, phía cuối có ký tên và ghi họ tên Huỳnh Th M H, thể hiện tổng số tiền vay 170.000.000 đồng, thể hiện ngày cuối cùng bà Th cho bà H vay là ngày 27/02/2023 âm lịch, không thể hiện thời gian trả lại tiền vay, cũng như thỏa thuận về lãi suất.

Mặc dù, bà Th và bà H đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận khi cho vay 8%/tháng, nhưng không thống nhất thời gian vay cũng như tiền lãi đã nhận, bà H trình bày đã trả tiền lãi cho bà Th với tổng số tiền 190.400.000 đồng nhưng không được bà Th thừa nhận, và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Bà Th chỉ thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà H nhiều lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi được quy định tại các Điều 463, 469 Bộ luật dân sự. Do lãi suất bà Th và bà H thỏa thuận vượt quá quy định pháp luật và bà Th có yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, xác định lãi suất áp dụng là 1,66%/tháng.

Ngày cuối cùng bà Th cho bà H vay là ngày 27/02/2023 âm lịch, ngày dương lịch là ngày 17/4/2023, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/5/2024 là 12 tháng 15 ngày. Số tiền lãi bà H phải trả cho bà Th (1,66%/tháng x 170.000.000 đồng x 12 tháng 15 ngày) – 10.000.000 đồng là 25.275.000 (hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Tổng tiền vay gốc và tiền lãi bà H có trách nhiệm trả cho bà Th là 195.275.000 (một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn X Th đối với bà Huỳnh Thị Kim H về yêu cầu trả tổng tiền hụi 113.200.000 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng góp hụi giữa bà Th và bà H có lập thành văn bản là danh sách hụi viên. Bị đơn bà H cũng thừa nhận có xác lập giao dịch và đóng hụi như bà Th trình bày, bà H cho rằng đây hụi thứ 3 bà H có trả được cho bà Th số tiền 6.000.000 đồng nhưng bà Th không thừa nhận, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tòa án đã cho bà H cung cấp chứng cứ nhưng bà H không cung cấp và vắng mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng là từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Bà Th cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền còn nợ 03 dây hụi nêu trên với tổng số tiền 113.200.000 đồng (bằng chữ: một trăm mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng), ghi nhận bà Th không yêu cầu tính tiền lãi.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc bà Huỳnh Th M H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn X Th tiền nợ vay, tiền lãi và tiền nợ hụi với tổng số tiền: 195.275.000 đồng + 113.200.000 đồng là 308.475.000 (ba trăm linh tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Do bà Th tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi 4 với số tiền yêu cầu 50.000.000 đồng và dây hụi 5 với số tiền yêu cầu 40.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này, bà Th được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu đối với 02 dây hụi này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, bà Nguyễn X Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại bà Th 8.666.000 đồng (bằng chữ: tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0021703 ngày 19/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà Huỳnh Th M H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 15.934.000 đồng (bằng chữ: mười lăm triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 và 471 Bộ luật dân sự 2015 và 218 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn X Th, buộc bà Huỳnh Th M H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn X Th số tiền vay và tiền hụi là 308.475.000 (ba trăm linh tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện dây hụi 4 với số tiền yêu cầu 50.000.000 đồng và dây hụi 5 với số tiền yêu cầu 40.000.000 đồng. Bà Th được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu đối với 02 dây hụi này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Huỳnh Th M H phải chịu 15.424.000 (Mười lăm triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn X Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại bà Th 8.666.000 (Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Th

đã nộp theo biên lai thu số 0021703 ngày 19/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn X Th, bà Huỳnh Th M H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Tây Ninh;
- VKS huyện Thị xã Hòa Thành;
- CC THADS huyện Thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn